TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15-4-2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Danh Văn Hoàng

Ông Nguyễn Huỳnh Hải.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị D, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp L, xã V, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Ông Đinh Văn K, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp L, xã V, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà D và ông K xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn ngày 12/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An (cũ). Nay là xã V, tỉnh Tây Ninh.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Thị Thanh D1 (nữ), sinh ngày 09/6/2012 và Đinh Thị Thanh P (nữ), sinh ngày 18/02/2015. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân từ cuối

năm 2024 đến nay, hiện bà D đi làm công nhân còn ông K đang sinh sống tại ấp L, xã V, tỉnh Tây Ninh cùng hai con chung. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K, do hai con chung đang sống cùng ông K đi học và nguyện vọng của hai con chung muốn được sống chung với ba khi cha mẹ ly hôn nên bà D đồng ý giao con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn ông Đinh Văn K vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ quan điểm đã trình bày và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K do vợ chồng đã sống ly thân và khả năng hàn gắn không còn. Không tranh chấp về con chung do hai con đang sống ổn định cùng ông K và đang đi học, bà D đi làm công nhân nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con chung nhưng vẫn đều đặn gửi tiền lo cho con học hành, hiện tại thu nhập của bà D trung bình mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng và bà D tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến kho con chung đủ 18 tuổi, tài sản chung và nợ chung không có.

Kết quả xác minh của Tòa án:

Về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông K cụ thể như thế nào thì người thân bà D không rõ, chỉ biết hai vợ chồng đã sống ly thân nay khoảng 02 năm, bà D đi làm công nhân còn ông K đang sinh sống tại ấp L, xã V và nuôi hai con chung. Về công việc và thu nhập, hiện nay bà D làm công nhân có thu nhập hàng tháng, còn ông K thì đi làm thuê cho cửa hàng vật liệu xây dựng ở V và có làm thêm ruộng nhà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên Tòa không rõ lý do, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông K xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại V, huyện V, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh) ngày 12/9/2011 nên là hôn nhân hợp pháp, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà D cho rằng quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không còn hạnh phúc, đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay, vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm đến nhau và cương quyết ly hôn.

Đối với bị đơn, mặc dù Tòa án đã đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng, mời hòa giải nhiều lần, tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng và bị đơn có ký nhận các thủ tục tố tụng nhưng bỏ mặc không đến, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông K đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng đã không còn tồn tại trên thực tế nên căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là phù hợp.

[2.3] Về con chung: Bà D và ông K có 02 con chung đều trên 07 tuổi và chưa đủ 18 tuổi hiện đang sống cùng ông K và cả 02 con chung đều có nguyện vọng được sống chung với ba nếu ba mẹ ly hôn để thuận tiện cho việc học hành. Cả bà D và ông K đều không có tranh chấp việc nuôi con mà tiếp tục duy trì tình trạng hiện tại của 02 con chung. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử tiếp tục giao 02 con chung cho ông K nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[2.4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông K không có yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con nhưng bà D có công việc và thu nhập ổn định (theo bà D trình bày thu nhập bình quân hàng tháng của bà D là 8.000.000 đồng) và bà D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/con chung và cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5 năm 2026. Nhận thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, tại thời điểm giải quyết việc ly hôn cũng không có ai tranh chấp về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà D phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị D về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng" với ông Đinh Văn K.

1.1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị D được ly hôn với ông Đinh Văn K.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Đinh Thị Thanh D1 (nữ), sinh ngày 09/6/2012 và Đinh Thị Thanh P (nữ), sinh ngày 18/02/2025 cho ông Đinh Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc (con chung đang sống cùng ông K).

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị D về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Đinh Thị Thanh D1 (nữ), sinh ngày 09/6/2012 và Đinh Thị Thanh P (nữ), sinh ngày 18/02/2025, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng đối với một con chung mỗi tháng, thời điểm cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2026 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian cấp dưỡng với mức lãi suất 10%/năm (theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí:

Buộc bà Võ Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh theo biên lai số 0017288 ngày 31/12/2025 sang tiền án phí.

Buộc bà Võ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặt kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV9 - Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự KV9-Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Hưng-Tây Ninh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Yến Linh